

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2020/HC-PT

Ngày 17 tháng 7 năm 2020

V/v khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành
Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 21/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1134/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh M, sinh năm 1950 và bà Trần Thị H, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Thôn 16, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hồ Lý H, Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Quang A, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thăng L, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ (Văn bản ủy quyền số 3064/QĐ- UBND ngày 24/6/2019).

2. Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3. Tập đoàn S; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng S, Tổng Giám đốc Tập đoàn S.

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H (là người khởi kiện).

Tại phiên tòa: Ông M, bà H, ông H, ông A có mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Bình, UBND thành phố Đ, UBND xã L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tập đoàn S vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2017, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 29/9/1989, vợ chồng ông M bà H được Hợp tác xã H và UBND xã L chứng nhận cấp 300 m² đất thổ cư; năm 1990, ông bà được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất; năm 2008, do có biến động về đất nên được cấp lại GCNQSD đất với diện tích 896 m² tại thửa số 170, tờ bản đồ số 4 xã L với phía Tây Bắc giáp đường vào Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình.

Năm 2013, thực hiện dự án mở rộng đường Quốc lộ 1A đã làm ảnh hưởng đến phần đất phía trước nhà của ông bà (diện tích đất ông bà sử dụng ổn định từ năm 1989 đến lúc có dự án năm 2013). Các cơ quan chức năng đã lập hồ sơ và đo đạc diện tích phải bồi thường cho ông bà là 172,5 m² đất, nhưng quá trình giải quyết ông bà mới được bồi thường 157 m², còn thiếu 15,5 m² đất chưa được bồi thường. Ngoài diện tích đất chưa được bồi thường, trong quá trình thi công công trình, các thiết bị máy của Tập đoàn S đã làm nứt tường và sập mái nhà quán gây thiệt hại cho ông bà. Vợ chồng ông M bà H đã làm đơn khiếu nại nhưng Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình giải quyết không đúng.

Vì vậy, ông M bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ cụm từ “diện tích lấn chiếm 73,6 m²”, “hộ gia đình ông M bà H lấn chiếm đường vào Trung tâm huấn luyện Công an tỉnh” và huỷ các Điều 1, 2, 3 tại Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình; buộc Chủ tịch UBND thành phố Đ phải bồi thường diện tích đất còn thiếu 15,5 m² với trị giá 56.714.500 đồng; buộc Tập đoàn S phải bồi thường số tiền 45.000.000 đồng do làm sập hai mái, tường nhà vỡ hỏng; buộc UBND thành phố Đ và Tập đoàn S phải có trách nhiệm

bồi thường sức khỏe, tinh thần, danh dự, nhân phẩm cho gia đình ông bà (03 người) với số tiền 450.000.000 đồng.

2. Ý kiến của người bị kiện:

Tại văn bản đề ngày 10/8/2017, người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình (là ông Lê Minh N, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình) trình bày: Không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông M bà H; đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H trú tại thôn 16, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tại bản tự khai ngày 16/8/2017, người đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố Đ (là ông Nguyễn Trí, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ) trình bày: Việc ông M bà H khởi kiện 15,5 m² đất chưa được bồi thường, nội dung này Chủ tịch UBND thành phố Đ đã giải quyết tại Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 nên UBND thành phố Đ vẫn giữ nguyên quan điểm đã giải quyết.

3.2. Tại bản tự khai ngày 16/8/2017, ông Lê Quang M (là Phó giám đốc Tập đoàn S) trình bày: Tập đoàn S được Bộ Giao thông vận tải giao thi công Dự án nâng cấp Quốc lộ 1A, đoạn Km 649 + 700. Quá trình thi công không làm hư hỏng tài sản của nhân dân nên việc gia đình ông Nguyễn Minh M khởi kiện cho rằng Tập đoàn S gây thiệt hại cho gia đình ông là không đúng, bởi lẽ: Lúc thi công qua nhà ông M có 01 lều quán tạm bị cơn bão năm 2013 làm mái nhà lợp Brôximăng hư hỏng hết, còn lại 02 tấm ngói sọ rớt xuống gây tai nạn lúc thi công nên công nhân đã đưa xuống, sau khi thi công xong, công nhân Tập đoàn đã trả lại vị trí ban đầu nên không gây thiệt hại. Vì vậy, Tập đoàn S không chấp nhận yêu cầu bồi thường của gia đình ông M.

3.3. Tại bản tự khai ngày 16/8/2017, người đại diện theo uỷ quyền của UBND xã L trình bày: Việc ông M bà H khởi kiện 15,5 m² đất chưa được bồi thường, nội dung này đã được Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình giải quyết nên UBND xã L không có ý kiến gì.

4. Diễn biến quá trình tố tụng:

Vụ án này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý vào ngày 25/7/2017; sau khi tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa ra xét xử, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H.

Không đồng ý với Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST nêu trên, ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H kháng cáo. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 73/2018/HC-PT ngày 29/5/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày

27/9/2017 và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý lại vụ án, tại Biên bản làm việc ngày 19/7/2018 ông M bà H xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

(1) Yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình;

(2) Yêu cầu Toà án giải quyết buộc UBND thành phố Đ bồi thường diện tích 15,5 m² đất còn thiếu trị giá 56.714.500 đồng;

(3) Do UBND thành phố Đ chỉ đạo và Tập đoàn S thực hiện việc thi công, cưỡng chế làm sập 29,4 m² nhà quán nên yêu cầu UBND thành phố Đ và Tập đoàn S liên đới bồi thường số tiền 45.000.000 đồng (ngày 25/6/2014 ra quân cưỡng chế trái pháp luật);

(4) Thời gian UBND thành phố Đ không giải quyết việc bồi thường, dây dưa, trì trệ kéo dài, gây thiệt hại kinh tế nghiêm trọng cho gia đình không sản xuất được, ảnh hưởng đến đời sống của gia đình hơn 4 năm. Vì vậy yêu cầu UBND thành phố Đ bồi thường 4 năm x 20.000.000 đồng = 80.000.000 đồng (khoản tiền trên mới tính đến ngày 25/6/2018);

(5) Yêu cầu UBND thành phố Đ bồi thường sức khỏe, tinh thần, danh dự, nhân phẩm, quyền con người, quyền công dân bị không chế, xâm hại đối với 3 người trong gia đình tổng số tiền 450.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản bồi thường là 631.714.500 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 05/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, điểm a khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; điểm a khoản 6 Điều 38, Điều 43 Luật đất đai năm 2003; các Điều 75, 80 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H về huỷ Quyết định số: 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H trú tại thôn 16, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và yêu cầu buộc UBND thành phố Đ phải bồi thường diện tích đất còn thiếu 15,5 m², trị giá 56.714.500 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H; phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Kháng cáo:

Ngày 16/9/2019, ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H nộp đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy

toàn bộ Bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và phán quyết bác các yêu cầu của người khởi kiện là không bảo đảm tính độc lập trong xét xử; không bảo đảm sự công tâm, khách quan và áp dụng không đúng các quy định của pháp luật.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Ông M, bà H giữ nguyên đơn khởi kiện; đối với đơn kháng cáo, ông M và bà H đề nghị được sửa đổi nội dung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm thành yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà.

6.2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Năm 1990, gia đình ông M được UBND thị xã Đ giao cho thửa đất làm nhà theo Quyết định số 562/QĐ-UB ngày 02/11/1990. Theo Quyết định này thì thửa đất của ông M có vị trí phía Đông giáp đường Quốc lộ 1A, các phía khác đều giáp đất dự kiến. Có nghĩa là xung quanh thửa đất của hộ ông M chưa có ai sử dụng, là đất trống đầy sim mua, sau đó được gia đình ông M khai phá sử dụng trồng bạch đàn và keo làm đường biên từ trước ngày 15/10/1993.

Năm 1996, UBND tỉnh Quảng Bình giao đất cho Công an tỉnh để làm Trại tạm giam tại Quyết định số 232/QĐ-UB, có biên bản giao đất ngày 07/8/1996 kèm theo. Từ năm 1998 đến năm 2000, Trại tạm giam tiến hành kéo đường dây tải điện đi qua khu vực đất hộ ông M sử dụng có xảy ra tranh chấp nhưng giải quyết không thành. Do đó, phía Công an buộc phải đề nghị gia đình ông M cho thỏa thuận việc chặt bớt thân cây cách đường dây điện từ 1m đến 1,5m; riêng phần đất phía dưới đường dây vẫn là của hộ ông M sử dụng. Năm 2006, ông M có đề nghị cấp đổi GCNQSD đất cho phù hợp với hiện trạng sử dụng, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ lập Biên bản thẩm định đăng ký biến động thể hiện thửa đất của hộ ông M mang số 170, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.064 m², không có thửa 105(1-3) nào.

Như vậy, gia đình ông M sử dụng đất không có việc lấn chiếm đường ngang vào Trại tạm giam, thửa đất số 105(1-3) không có trên thực tế mà được hình thành theo ý chí chủ quan của ai đó chứ không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Theo đó, tại Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 05/2/2016 của UBND thành phố Đ và Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đều cho rằng hộ ông M có hành vi lấn chiếm đường giao thông vào Trại tạm giam nên đã không chấp nhận khiếu nại của ông M, bà H yêu cầu được bồi thường đối với 15,5 m² đất là sai trái. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của ông M, bà H yêu cầu hủy bỏ quyết định trên là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M và bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M, bà H.

6.3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Năm 1998, hộ ông M bà H đã có hành vi lấn chiếm đất đường giao thông của Công an tỉnh, đã được các cơ quan chức năng lập biên bản về hành vi lấn chiếm

đất. Năm 2006, ông M làm đơn xin cấp lại GCNQSD đất, ngày 12/9/2006 các cơ quan chức năng đã thẩm định đăng ký biến động thì thực trạng thửa đất số 170, tờ bản đồ số 4 xã L do hộ ông M sử dụng có diện tích 1.064 m². Kết quả thẩm định thực tế là 896,0 m² (trong đó đất ở 200 m², đất trồng cây lâu năm 696,0 m²), diện tích giảm so với bản đồ địa chính 168,0 m² là do trừ diện tích đường Quốc lộ 1A, góc cua đường và thực tế sử dụng. Biên bản thẩm định đăng ký biến động đã được ông M là chủ sử dụng đất ký tên; sơ đồ, kích thước, diện tích thửa đất số 170 trên GCNQSD đất cấp cho hộ ông M năm 2007 và cấp lại năm 2008 được thể hiện như đã ghi trong Biên bản thẩm định.

Đối với phần diện tích 15,5 m² hiện có khiếu kiện, ông M bà H cho rằng nằm trong khuôn viên nhà ở đã được xác định ranh giới rõ ràng, sử dụng ổn định từ năm 1989 là không có căn cứ. Bởi vì:

- Tại Biên bản thẩm định đăng ký biến động đất đai để cấp Giấy CNQSD đất lập ngày 12/9/2006 đã được cơ quan quản lý đất đai thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cùng ông Nguyễn Minh M là người sử dụng đất ký xác nhận chỉ giới đất phía Tây Bắc thửa đất cấp cho hộ của ông giáp đường giao thông (riêng phần đất lần không được cấp).

- Qua kết quả đo đạc thực tế, phần diện tích 15,5 m² mà ông M bà H đang khiếu kiện nằm về phía Tây Bắc và nằm ngoài diện tích hộ ông M được cấp là phần đất thuộc đường giao thông vào Trại tạm giam của Công an tỉnh đã được UBND tỉnh giao đất năm 1996, bị hộ ông M bà H lấn chiếm.

Như vậy, diện tích 15,5 m² mà hộ ông M bà H khiếu kiện đòi bồi thường là một phần diện tích mà hộ ông M bà H đã lấn chiếm, sử dụng vào diện tích đất UBND tỉnh giao cho Công an tỉnh làm đường vào Trại tạm giam theo Quyết định số 232/QĐ-UB ngày 14/3/1996 (nay là đường vào Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ của Công an tỉnh). Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Luật Đất đai năm 2003 quy định về những trường hợp thu hồi đất mà không bồi thường (nay là Điều 75, 80 của Luật Đất đai 2013, Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ) thì phần diện tích lấn chiếm này không được bồi thường khi thu hồi đất.

Đối với các nội dung khác mà ông M, bà H có khiếu nại là không có cơ sở nên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đã không chấp nhận là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.

6.4. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đều đã được Tòa án triệu tập đầy đủ, hợp lệ; trong đó, có một số người có đơn xin xét xử vắng mặt, một số người vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng

hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các bên tranh luận và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng thực hiện nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa, quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết, xét xử vụ án và tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật; lý do kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính, bác đơn kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Vụ án này phát sinh từ sự việc trong quá trình thực hiện dự án mở rộng đường Quốc lộ 1A vào năm 2013 đoạn đi qua xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông M, bà H cho rằng có một phần diện tích đất đã được gia đình ông bà sử dụng từ năm 1990 bị thu hồi nhưng chưa được bồi thường, hỗ trợ nên ông M, bà H khiếu nại và trong khi khiếu nại của ông bà chưa được giải quyết thì ngày 25/6/2014 UBND thành phố Đ đã chỉ đạo UBND xã L, Hội đồng Giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A thành phố Đ huy động lực lượng bảo vệ thi công san ủi phần diện tích đất này mà không có lệnh cưỡng chế. Ông M, bà H tiếp tục khiếu nại sự việc trên thì ngày 16/10/2014, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 3698/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông bà với nội dung: *“Không công nhận nội dung khiếu nại của ông, bà Nguyễn Minh M - Trần Thị H đối với việc UBND thành phố Đ thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ để GPMB xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua xã L, thành phố Đ”*.

Không đồng ý Quyết định số 3698/QĐ-UBND nêu trên, ông M và bà H tiếp tục khiếu nại. Ngày 25/5/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 1334/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của hộ ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H..., xác định: *“Phần diện tích đất hộ ông M khiếu nại yêu cầu được bồi thường do GPMB để mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A năm 2013 là diện tích đất thuộc phạm vi hành lang ATGT đường bộ Quốc lộ 1A, nằm ngoài và tiếp giáp với phần diện tích đất gia đình ông M được UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp năm 1990 và cấp lại GCNQSD đất năm 2008. Phần diện tích đất đã giải tỏa, hộ ông M không được các hộ liền kề và UBND xã L xác nhận có sử dụng đất. Tuy nhiên thực tế hộ ông M có sử dụng đối với phần diện tích này và không có tranh chấp. Vì vậy hộ ông M đủ cơ sở để yêu cầu được bồi thường về đất và tài sản trên đất”* và quyết định:

“Điều 1. Công nhận nội dung khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H trú tại thôn 16, xã L, thành phố Đ đối với Quyết định số 3698/QĐ-

UBND ngày 16/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà đối với việc UBND thành phố Đ thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ để GPMB xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua xã L, thành phố Đ.

Điều 2. Hủy bỏ Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H.

Yêu cầu UBND thành phố Đ chỉ đạo Hội đồng GPMB Quốc lộ 1A thành phố tiến hành thực hiện trích đo thu hồi đất, đền bù, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất phân đất bị ảnh hưởng bởi Dự án mở rộng, nâng cấp mặt bằng Quốc lộ 1A năm 2013 cho hộ gia đình ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H theo quy định hiện hành của Nhà nước... ”.

Thực hiện Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình nêu trên, UBND thành phố Đ đã tiến hành các trình tự, thủ tục theo quy định và ban hành Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H với nội dung: “Thu hồi 157,0 m² đất trồng cây lâu năm khác (LNK) của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H trú tại xã L, thành phố Đ. Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định theo Trích đo chỉnh lý địa chính tờ bản đồ số 4, xã L, tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm Kỹ thuật địa chính thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 19/6/2015, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 07/7/2015. Lý do thu hồi đất: Để giải phóng mặt bằng xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A, thành phố Đ”; đồng thời ban hành Quyết định số 3803/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A... (Trường hợp ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H) với nội dung tại Điều 1 là phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp ông M, bà H tổng số tiền 590.099.000 đồng.

Ngày 31/10/2015, ông M bà H làm đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3803/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của UBND thành phố Đ với nội dung: Quyết định này mới phê duyệt bồi thường 157 m²/172,5 m² đất trong cùng thửa đất có nhà ở được Trung tâm Kỹ thuật địa chính và Hội đồng bồi thường trích đo ngày 19/5/2015 với diện tích 172,5 m², còn lại 15,5 m² đất ông bà đã chứng minh đầy đủ căn cứ pháp lý sử dụng diện tích đất trên nhưng chưa được bồi thường; đồng thời, ông M bà H yêu cầu bồi thường 28 m² mặt bằng bê tông, đường hành lang cao hơn nền nhà ½ m, nhà quán 29/4 m² bị sập mái và nứt tường không sử dụng được, 176 m² đất bị thu hồi bởi dự án mở rộng đường Quốc lộ 1A năm 1997 và 123 m² đất đường ngang đi ngang qua đất của ông bà vào Trại tạm giam năm 1997 chưa bồi thường.

Ngày 25/11/2015, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 4934/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ xác minh để tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của ông M bà H đối với Quyết định số 3803/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 nêu trên. Căn cứ vào báo cáo kết luận của Tổ xác minh, ngày 05/02/2016 UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 386/QĐ-UBND về việc

giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H... (lần đầu), với nội dung kết luận: “Phần diện tích 15,5 m² thuộc thửa đất số 105(1-3), tờ bản đồ số 4, xã L là phần đất giao thông do Nhà nước quản lý, không thuộc quyền sử dụng của ông M. Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A không thu hồi và không bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất này là phù hợp. Nội dung khiếu nại của ông M là sai”; đồng thời quyết định: “Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H đối với Quyết định số 8303/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A... (Trường hợp ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H). Giữ nguyên Quyết định số 8303/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của UBND thành phố Đ”.

Ngày 18/02/2016, ông M bà H tiếp tục khiếu nại toàn bộ Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND thành phố Đ đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Ngày 07/7/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 2043/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H, với nội dung:

“Điều 1. Không công nhận khiếu nại của Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H về các nội dung:

- Khiếu nại việc diện tích đất được bồi thường còn thiếu 15,5 m²;
- Khiếu nại việc tài sản trên đất còn thiếu 28 m² sân bê tông chưa được kiểm kê, bồi thường;
- Khiếu nại việc phải được bồi thường, hỗ trợ do đường, hành lang cao hơn nền nhà 0,5 m;
- Khiếu nại việc nhà bị máy ủi, máy cẩu của đơn vị thi công làm sập, đổ 29,4 m².

Điều 2. Giữ nguyên Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H về bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng, mở rộng Quốc lộ 1A.

Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Đ xử lý nghiêm việc hộ ông Nguyễn Minh M - bà Trần Thị H lấn, chiếm đất đường vào Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ của Công an tỉnh (hiện do UBND xã L quản lý), thực hiện cắm mốc lộ giới đường vào Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ của Công an tỉnh, ngăn chặn tình trạng tái lấn chiếm...”

Không đồng ý với một số nội dung tại Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, ngày 16/6/2017 ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính này. Sau các giai đoạn tố tụng, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 05/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông M, bà H về việc hủy Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình và yêu cầu UBND thành phố Đ phải bồi thường diện tích

đất còn thiếu 15,5 m²; đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại do thi công làm sập nhà quán, bồi thường thiệt hại về kinh tế do kéo dài thời gian giải quyết khiếu nại và bồi thường về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm không phải do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra, không thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 7 của Luật Tố tụng hành chính nên không xem xét, giải quyết trong vụ án hành chính này.

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H đối với yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại về nội dung bồi thường 15,5 m² đất thì thấy:

[1.1] Về nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng đất của hộ ông M:

Ngày 15/9/1989, ông Nguyễn Minh M có đơn đề nghị cấp cho gia đình ông 450 m² đất để làm nhà ở, được UBND xã L và Hợp tác xã H chứng nhận, nhất trí đề nghị UBND thị xã Đ giao 300 m² đất sản xuất dọc tuyến đường quốc lộ 1A sang đất thổ cư cho ông M. Ngày 02/11/1990, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 563/QĐ-UB giao quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh M 200 m² đất, vị trí: “*Phía Đông giáp đường 1A đường rộng 34 m; các phía Tây, Nam, Bắc giáp ô đất dự kiến*”.

Tại Tờ bản đồ 299 (lập năm 1991) thể hiện thửa đất gia đình ông M sử dụng có hình tam giác, ký hiệu: T-55/814; có cạnh phía Đông giáp đường Quốc lộ 1A, cạnh phía Bắc giáp thửa có ký hiệu Hg-54/1030, cạnh còn lại không rõ (bút lục 246).

Ngày 20/5/2006, ông M làm đơn đề nghị cấp lại GCNQSD đất với lý do: “*Năm 1991, ông Trần Văn Tâm - Chủ nhiệm HTX H thông báo đến nhận thẻ đỏ, nhưng chưa kịp đến nhận thì ông Tâm đã đột ngột qua đời nên thẻ đỏ bị thất lạc từ đó cho đến nay*”, đơn có xác nhận của Chủ tịch UBND xã L ngày 26/01/2007 (bút lục 184). Các cơ quan chức năng thuộc UBND thành phố Đ đã tiến hành thẩm định và cấp lại GCNQSD đất cho ông M, bà H với các nội dung cụ thể như sau:

- Tại Sơ đồ thửa đất tỷ lệ 1/2000 đo vẽ ngày 16/02/2006, UBND xã L ký duyệt ngày 30/5/2006 thể hiện nội dung: “*Khu vực thửa số 170 Tờ bản đồ địa chính số 4 diện tích 1.064 m² thuộc xã L... (Diện tích chưa trừ hành lang Quốc lộ 1A và đường vào Trại giam)*” (bút lục 183).

- Tại Biên bản thẩm định đăng ký biến động ngày 12/9/2006 (bút lục 182), Văn phòng đăng ký QSD đất thuộc Phòng TN-MT thành phố Đ xác định:

“*2/ Thực trạng khu đất: Theo Bản đồ địa chính thửa đất số 170, tờ số 04, diện tích 1.064 m². Bản đồ xã L, thành phố Đ...*

3/Kết quả kiểm tra như sau:

Hiện trạng khu đất: Ổn định, nằm trong khu dân cư

Diện tích thẩm định thực tế: 896 m²; trong đó: đất ở 200 m², đất LNK 696 m²

Ranh giới khu đất xin đăng ký biến động:

- Đông Bắc giáp: Quốc lộ 1 A (rộng 32 m); kt: 34,2 m

- Tây Nam giáp: Thửa số 172; kt: 13,5 m

- Phía Đông Nam giáp thửa 171 và 172; kt: 13 m; 10 m; 33,3 m

- *Phía Tây Bắc giáp đường giao thông; kt: 32,6 m*

Diện tích thực tế là 896 m², giảm so với bản đồ địa chính là 168,0 m² do trừ diện tích đường Quốc lộ 1A, góc của đường và đo đạc theo thực tế sử dụng... ”.

- Tại GCNQSD đất số AD 919073 ngày 03/12/2007 thể hiện ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H được UBND thành phố Đ công nhận quyền sử dụng 896,0 m² đất; trong đó đất ở 200,0 m² và đất trồng cây lâu năm 696,0 m² (có sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước các cạnh thửa đất). Ngày 18/01/2008, ông M và bà H được cấp lại GCNQSD đất số AI 996081 với sơ đồ, diện tích của thửa đất được thể hiện như tại Biên bản thẩm định và GCNQSD đất số AD 919073 ngày 03/12/2007 nêu trên.

[1.2] Về việc xác định vị trí diện tích 15,5 m² đất hiện nay hộ ông M, bà H có khiếu kiện:

Trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông M, bà H đối với Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, ngày 19/5/2015 Trung tâm Kỹ thuật địa chính phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, đại diện UBND và cán bộ địa chính xã L tiến hành kiểm tra, đo đạc lại thửa đất bị thu hồi. Kết quả, tại Biên bản kiểm tra thực địa ngày 19/5/2015 đã xác định:

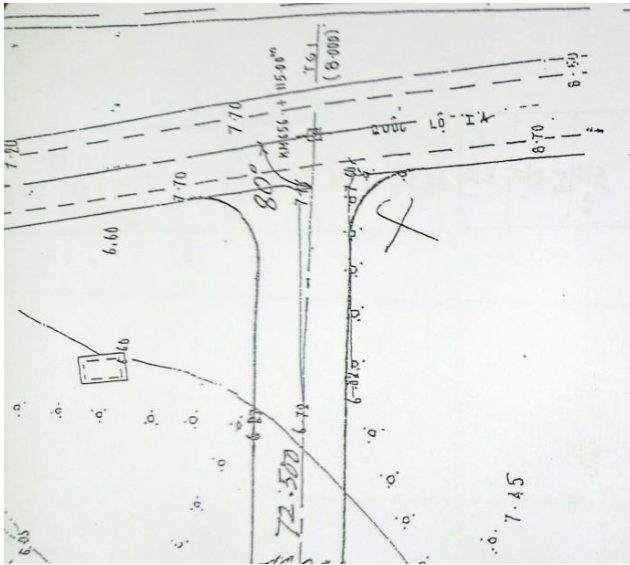
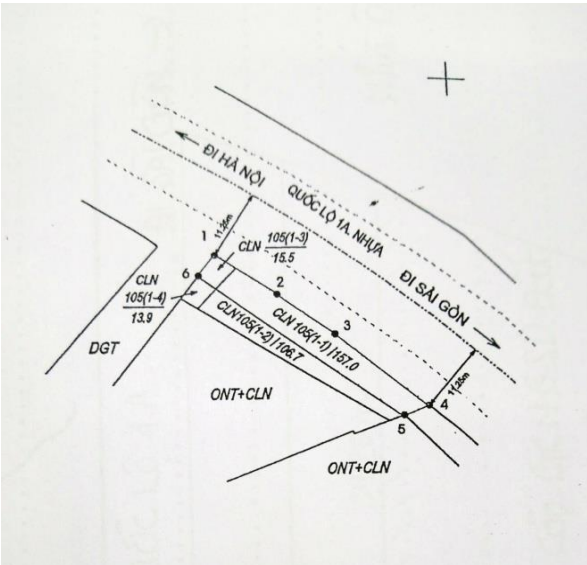
“1. Kết quả đo đạc phần diện tích theo giấy tờ là 157 m² (BĐDC năm 1998)...

2. Kết quả đo diện tích ngoài giấy tờ là 15,5 m²...

3. Tổng diện tích thực tế của hộ gia đình là 172,5 m²...”

Trong đó, diện tích 15,5 m² nằm tại góc phía Tây Bắc của thửa đất gia đình ông M sử dụng, có kích thước: Cạnh phía giáp đường vào Trung tâm huấn luyện Công an tỉnh dài 4,1 m; cạnh phía giáp đường Quốc lộ 1A dài 3,98 m; cạnh phía giáp phần diện tích 157 m² (đã được bồi thường) dài 4,45 m; cạnh phía giáp thửa đất ông M còn lại dài 3,43 m.

Tại tờ sơ đồ “Chỉnh lý địa chính xã L” được Sở TN-MT tỉnh Quảng Bình phê duyệt ngày 07/7/2015 thể hiện: Cạnh phía giáp đường vào Trung tâm huấn luyện Công an tỉnh (cạnh phía Tây Bắc, điểm 1-6 của sơ đồ) của diện tích 15,5 m² đất có khiếu kiện có vị trí nằm trùng với đường kéo dài cạnh phía Tây Bắc của thửa đất số 170 thực trạng hộ ông M sử dụng; có ý kiến của đại diện UBND xã L ghi ngày 02/7/2015: “*Phần diện tích 15,5 m² thuộc đường giao thông vào Trung tâm HL Công an tỉnh nên không đủ điều kiện đền bù*” (bút lục 247).

	
1. Sơ đồ giao đất đường vào Trại tạm giam năm 1996	2. Sơ đồ “Chỉnh lý địa chính xã L” được Sở TN-MT phê duyệt ngày 07/7/2015

Tại Biên bản làm việc ngày 17/7/2015, Phó Chủ tịch HĐGPMB Quốc lộ 1A, đại diện Trung tâm kỹ thuật địa chính, Trung tâm phát triển quỹ đất, cán bộ địa chính xã L và Trưởng thôn 16 xã L đã thông báo cho hộ gia đình ông M có đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ 157 m² đất; còn diện tích 15,5 m² không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ do phần diện tích đất này thuộc đường giao thông vào Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh Quảng Bình. Ông M không nhất trí và có ý kiến: “Tổng diện tích bị thiệt hại do GPMB Quốc lộ 1A là 172,5 m² do Trung tâm Kỹ thuật địa chính, Sở TNMT tỉnh đo và Hội đồng bồi thường GPMB Quốc lộ 1A thành phố Đ đo và thống nhất ký 19/5/2015. Việc tùy tiện ghi trong Biên bản tách thành 2 phần đất (157 m² và 15,5 m²) là cố ý làm trái với thực tế, bởi tổng diện tích bị thiệt hại 172,5 m² đất là nằm trong một khuôn viên đất ở lâu dài của gia đình tôi... Vì diện tích đất này tôi ở, sử dụng ổn định 26 năm qua (1989 - 2015) không có ai tranh chấp (có hàng cây xanh gia đình, có biển Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh + 2 cột điện làm ranh giới (có ảnh chứng minh)...”.

Tại tờ “Sơ đồ kiểm tra thực địa” do Đoàn xác minh liên ngành lập ngày 11/5/2016 thể hiện: Phần diện tích 15,5 m² có vị trí nằm ngoài diện tích được cấp GCNQSD đất năm 2008, nhưng phía trong đường “ranh giới theo hiện trạng” và tiếp giáp với đường Quốc lộ 1A, liền kề với diện tích 157 m² đất đã được bồi thường.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại tiếp theo, theo đơn khiếu nại của ông M bà H, UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đã tổ chức nhiều cuộc họp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương để làm rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng 15,5 m² đất mà ông M bà H có khiếu nại. Kết quả đều xác định diện tích đất này do ông M bà H lấn chiếm đường vào Trại tạm giam trước đây nên không được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Để bảo đảm việc xác định chính xác hiện trạng sử dụng diện tích 15,5 m² đất do hộ ông M có khiếu kiện có lấn chiếm đường vào Trại tạm giam hay không, trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tổ chức việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Kết quả, tại bản Sơ đồ do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác nhận ngày 16/6/2020 thể hiện các mốc giới, vị trí tương tự như đã được thể hiện tại Sơ đồ kiểm tra thực địa ngày 11/5/2016. Trong đó xác định phần diện tích 15,5 m² đất có vị trí nằm liền kề với diện tích 157 m² đất giáp mặt đường Quốc lộ 1A đã được bồi thường; sau hai cột điện và biển hiệu đường vào Trung tâm bồi dưỡng và huấn luyện nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Bình và đường kéo thẳng từ bức tường rào ông M đã xây dựng (có 03 cột mốc đã được dựng ngoài bức tường rào). Cụ thể vị trí được thể hiện tại hình 4 dưới đây:

3. Sơ đồ kiểm tra thực địa ngày 11/5/2016	4. Sơ đồ hiện trạng ngày 16/6/2020

[1.3] Xét các căn cứ phía người bị kiện cho rằng diện tích 15,5 m² đất hiện ông M bà H có khiếu kiện là đất lấn chiếm đường vào Trại tạm giam (nay là Trung tâm bồi dưỡng và huấn luyện nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Bình) thì thấy:

Ngày 14/3/1996, UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 232/QĐ-UB “Về việc giao đất cho Công an tỉnh Quảng Bình xây dựng khu A trại tạm giam”. Theo đó, ngày 07/8/2016 đại diện Sở Địa chính và đại diện chính quyền địa phương đã lập Biên bản giao đất đường vào Trại tạm giam với vị trí: “**Đông giáp Quốc lộ 1A; Nam giáp hàng phi lao do dân trồng; Tây giáp Khu A Trại tạm giam; Bắc giáp lô đất trống...**” (bút lục 158,159); tại sơ đồ Mặt bằng khu đất giao cho Công an tỉnh Quảng Bình năm 1996 thể hiện vị trí khu đất ông M sử dụng cách tim đường Quốc lộ 1A là 8,70 m (bút lục 157, được trích tại hình 1 trang 12); đường vào trại giam nằm sát hàng cây nhà ông M trồng.

Tại Biên bản kiểm tra ngày 12/3/1998 “Về việc tranh chấp đất đai giữa Công an tỉnh và gia đình ông Nguyễn Minh M tại địa điểm: Đường vào trại giam CA tỉnh” (gồm các thành phần: Đại diện Sở Địa chính, sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình,

UBND thị xã Đ, UBND xã L, Công an thị xã Đ, Trưởng thôn H) xác định: “*Căn cứ các vị trí mốc đã được giao trên thực địa ngày 07/8/1996 thì tường rào gia đình ông M đã xây (dài 20,6 m theo hướng Đông - Tây) đã lấn chiếm sang phần đất đã được giao cho CA tỉnh để mở đường vào Trại tạm giam là 0,55 m. Diện tích lấn chiếm là $20,6\text{ m} \times 0,55\text{ m} = 11,33\text{ m}^2$* ”. Ông M bà H cho là Biên bản này là không, không có trên thực tế.

Trong quá trình xác minh để giải quyết khiếu nại của ông M, Đoàn xác minh liên ngành (được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình) đã tiến hành làm việc với những người tham gia lập Biên bản kiểm tra ngày 12/3/1998 nêu trên. Kết quả, tại các Biên bản làm việc ngày 19/4/2016, 20/4/2016, 21/4/2016, các ông Lê Minh N (Giám đốc Sở TN-MT), ông Nguyễn T (Phó Trưởng phòng Phòng TN-MT thành phố Đ), ông Trần Chánh V (Cán bộ hưu trí), ông Nguyễn Hữu B (Phó Bí thư Đảng ủy xã L) và các ông Nguyễn Hữu Đ, Trần Thanh L, Hoàng Đại V (Phòng Hậu cần Công an tỉnh Quảng Bình) đều xác định: Tại buổi làm việc vào chiều ngày 12/3/1998 nơi hiện trường xảy ra tranh chấp có đầy đủ thành phần làm việc, trong đó có đại diện gia đình ông Nguyễn Minh M với kết quả làm việc như đã ghi trong Biên bản kiểm tra ngày 12/3/1998 là trung thực, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe và xác nhận; riêng đại diện gia đình ông Nguyễn Minh M không ký và đã được ghi vào Biên bản. Tại buổi làm việc này, bà Trần Thị K (vợ ông M khi đó mang tên “K”, sau này đổi tên “H”) đã xuất trình giấy tờ đất cho mọi người cùng kiểm tra, cùng tham gia kiểm tra đo đạc thực địa, chứng kiến việc lập Biên bản kiểm tra, có nghe đọc lại Biên bản kiểm tra nhưng không ký vào Biên bản. Ông Nguyễn Hữu Đ, Trần Thanh Lợi, Hoàng Đại Viện trình bày thêm: “*Sau khi ông M lấn chiếm, các ngành liên quan đã kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra năm 1998 và có chỉ đạo xử lý của UBND tỉnh thì các cơ quan quản lý chưa thực hiện. Hàng rào của hộ ông M xây lấn vào đường giao thông vẫn giữ nguyên hiện trạng cho đến nay*” và: “*Do có một số hộ dân xã L sử dụng chung con đường này, năm 2013 khi cấp GCNQSD đất, UBND tỉnh không đưa diện tích làm đường vào GCNQSD đất cho Công an tỉnh*”.

Sự việc hộ ông M xây tường rào lấn chiếm đường vào Trại tạm giam nêu trên đã được Công an tỉnh, Sở Địa chính tỉnh Quảng Bình báo cáo UBND tỉnh Quảng Bình đề nghị giải quyết. Ngày 17/4/1998, UBND tỉnh Quảng Bình có Công văn số 254/UB về việc giải quyết việc ông Nguyễn Minh M xây dựng tường rào lấn chiếm đường với nội dung: Việc ông Nguyễn Minh M xây dựng tường rào lấn chiếm đường cần phải được xử lý theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; UBND tỉnh yêu cầu UBND thị xã Đ chỉ đạo UBND xã L phối hợp với các ngành có liên quan giải quyết, xử lý buộc ông M tháo dỡ tường rào chiếm để trả lại mặt bằng cho đường vào Trại tạm giam. Tuy nhiên sau đó, UBND thị xã Đ và các cơ quan có thẩm quyền không tổ chức thực hiện Công văn số 254/UB ngày 17/4/1998 của UBND tỉnh Quảng Bình.

Tại Biên bản buổi làm việc ngày 07/8/2000 giữa đại diện Công an tỉnh Quảng Bình và gia đình ông M “*V/v đền bù cây trong hành lang an toàn tuyến đường dây cấp điện cho Trại tạm giam - CA tỉnh*”, ông Nguyễn Hữu Đ (Trưởng phòng PH 12 Công an tỉnh) đã nêu: “*Tuyến đường dây nằm trên phần đất được cấp cho Công an*

tỉnh để mở rộng đường vào Trại tạm giam, không lấn sang phần đất của gia đình ông M” và để bảo đảm an toàn, đề nghị gia đình ông M thống nhất việc đền bù số cây trồng nằm gần tuyến đường dây nhưng ông M không chấp nhận việc đền bù. Sau đó, ngày 28/8/2000 đại diện Trại tạm giam và ông M đã lập “Biên bản thỏa thuận đền bù cây” với nội dung: “Đơn vị tiến hành kéo đường dây từ cột điện cạnh nhà ông M vào trại. Đường dây đi qua có vướng vào hàng cây của nhà ông M, cây chủ yếu là bạch đàn và trầm hoa vàng. Với lý do đó: Trại đã thỏa thuận đền bù cho ông những cây mà trại tiến hành chặt. Trước khi chặt cây có sự hướng dẫn của chủ nhà. Khoảng cách chặt cây cách đường dây từ 1 m đến 1,5 m (đường dây cách nhà 1 m chiều ngang)”; ông M nhất trí và yêu cầu chỉ được chặt ngọn cây cách dây bọc trần không quá 1 m - 1,50 m. Như vậy, từ tháng 8/2000 trở đi phía Công an tỉnh không còn tranh chấp đất với hộ ông M.

[1.4] Thông qua việc xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của hộ ông M; việc xác định vị trí giao đất cho Công an tỉnh Quảng Bình mở đường vào Trại tạm giam năm 1996 và sự việc tranh chấp đất giữa Trại tạm giam và hộ ông M nêu trên; đối chiếu với kết quả kiểm tra, xác minh để giải quyết khiếu nại, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Năm 1990, hộ ông M chỉ được UBND thị xã Đ giao cho 200 m² đất với chiều dài 20 m và chiều ngang 10 m (một chiều giáp đường Quốc lộ 1A (đường rộng 34 m), ba chiều còn lại giáp các ô đất dự kiến) tại Quyết định 563/QĐ-UB ngày 02/11/1990 mà không có sơ đồ, vị trí xác định trên thực địa. Căn cứ vào Sơ đồ giao đất đường vào Trại tạm giam năm 1996 (tại hình 1. trang 12) thể hiện vị trí khu đất ông M sử dụng cách tim đường Quốc lộ 1A 8,70 m. Như vậy, có căn cứ xác định sau khi được giao đất, hộ ông M có trồng cây trên phần đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 1A và các ô đất dự kiến xung quanh diện tích đất được giao, được thể hiện trên tờ bản đồ 299 (phê duyệt ngày 10/9/1991) là thửa đất số 55, diện tích 814 m²; sau đó, gia đình ông M bà H tiếp tục lấn ra các ô đất dự kiến xung quanh.

Đối với sự việc được cho là hộ ông M lấn chiếm đất thể hiện tại Biên bản kiểm tra ngày 12/3/1998: *“tường rào gia đình ông M đã xây (dài 20,6 m theo hướng Đông - Tây) đã lấn chiếm sang phần đất đã được giao cho CA tỉnh để mở đường vào Trại tạm giam là 0,55m. Diện tích lấn chiếm là 20,6m x 0,55m = 11,33 m²”* đã được các cơ quan có liên quan báo cáo và được UBND tỉnh chỉ đạo xử lý. Tuy nhiên, sự việc này không được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó, ngày 07/8/2000 và 28/8/2000 đại diện Công an tỉnh Quảng Bình, Trại tạm giam và ông M đã có sự thỏa thuận việc chặt một số ngọn cây của hộ ông M để kéo đường dây điện vào Trại tạm giam, tại các biên bản thỏa thuận, đại diện phía Công an tỉnh Quảng Bình chỉ xác định đường dây không lấn sang phần đất của gia đình ông M, không còn nhắc đến việc hộ ông M lấn chiếm đất đường vào Trại tạm giam.

Trên cơ sở kích thước các cạnh thửa đất của hộ ông M tại Sơ đồ kiểm tra thực địa ngày 11/5/2016 và tại sơ đồ Hiện trạng sử dụng đất được xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/6/2020 (Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác nhận ngày 16/6/2020); so sánh với vị trí, kích thước thửa đất của hộ ông M thể hiện tại Tờ

bản đồ 299 (năm 1991) và mô tả tại Biên bản thẩm định đăng ký biến động ngày 12/9/2006 (được cấp GCNQSD đất năm 2007, 2008), cho thấy: Tại thời điểm đăng ký biến động năm 2006, hộ ông M thực tế đã sử dụng 1.064 m² nhưng các cơ quan chuyên môn chỉ cấp GCNQSD đất cho hộ ông M được quyền sử dụng 896 m²; còn phần diện tích 168 m² là đất hành lang đường Quốc lộ 1A, góc cua đường vào Trại tạm giam thực tế hộ ông M có sử dụng từ trước không được đề nghị cấp GCNQSD đất, nhưng không có nội dung nào đề cập đến phần diện tích đất do Công an tỉnh và các cơ quan chức năng của tỉnh Quảng Bình lập Biên bản kiểm tra ngày 12/3/1998 xác định hộ ông M lấn chiếm như đã nêu trên.

Đến khi thực hiện dự án mở rộng đường Quốc lộ 1A (năm 2013, 2014), phần diện tích đất trước đây hộ ông M sử dụng không được đề nghị cấp GCNQSD đất này được đơn vị thi công san ủi để mở rộng đường mà không được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Ông M, bà H khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 xác định phần diện tích đất hộ ông M khiếu nại là diện tích đất thuộc phạm vi hành lang ATGT đường bộ Quốc lộ 1A, nằm ngoài và tiếp giáp với phần diện tích đất gia đình ông M được cấp GCNQSD đất, thực tế hộ ông M có sử dụng, không có tranh chấp, có đủ cơ sở để yêu cầu được bồi thường về đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên sau đó, khi thực hiện Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, mặc dù tại Biên bản kiểm tra thực địa do các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND và cán bộ địa chính xã L lập ngày 19/5/2015 đã xác định: *“Tổng diện tích thực tế của hộ gia đình là 172,5 m²...”*, nhưng UBND thành phố Đ chỉ ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông M đối với 157 m² tại thửa 105(1-1); còn phần diện tích 15,5 m² tại thửa 105(1-3) được xác định do lấn chiếm đường vào Trại tạm giam không được bồi thường nên ông M khiếu nại.

Khi giải quyết khiếu nại của ông M bà H, Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đã căn cứ vào kết quả kiểm tra, xác minh của các cơ quan chuyên môn và UBND xã L xác định hộ ông M lấn chiếm đường vào Trung tâm huấn luyện Công an tỉnh 73,6 m² đất (trong đó có diện tích 15,5 m² tại thửa 105(1-3) có các cạnh tương ứng là 4,1 m - 3,98 m - 4,45 m - 3,43 m) là không phù hợp với nội dung tại Biên bản kiểm tra ngày 12/3/1998 của Công an tỉnh và các cơ quan chức năng của tỉnh Quảng Bình (chỉ xác định tường rào gia đình ông M đã xây dài 20,6 m theo hướng Đông - Tây, lấn chiếm sang phần đất đường vào Trại tạm giam bề ngang là 0,55m, diện tích lấn chiếm là 11,33 m²). Bức tường rào này đã được các ông Nguyễn Hữu Đ, Trần Thanh Lợi, Hoàng Đại Viện xác định vẫn giữ nguyên hiện trạng cho đến nay; ông M, bà H cũng khẳng định tại phiên tòa là bức tường rào hiện nay của gia đình ông bà đã được ông bà tu bổ, xây dựng thêm nhưng vẫn giữ nguyên vị trí như từ khi bắt đầu được xây dựng vào sau năm 1990, trước khi UBND tỉnh Quảng Bình giao đất cho Công an tỉnh mở đường vào Trại tạm giam. Đồng thời, thiếu nhất quán với nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, bởi vì: (1) hiện trạng sử dụng diện tích 15,5 m² đất này tương tự như phần

diện tích 157 m² đất đã được bồi thường (đều nằm ngoài và tiếp giáp với phần diện tích đất được cấp năm 1990, cấp lại GCNQSD đất năm 2008, thực tế hộ ông M có sử dụng diện tích đất này); (2) sự việc cho là hộ ông M lấn chiếm đất năm 1998 không được giải quyết dứt điểm theo quy định của pháp luật và từ năm 2000 phía Công an tỉnh là người được giao đất mở đường vào Trại tạm giam xác định “*Tuyến đường dây nằm trên phần đất được cấp cho Công an tỉnh để mở rộng đường vào Trại tạm giam, không lấn sang phần đất của gia đình ông M*” trong khi hộ ông M đã xây dựng tường rào trước đó và hiện nay đã có 03 cột mốc dựng ngoài bức tường rào nhà ông M, có nghĩa là phía Công an tỉnh chưa có khi nào sử dụng phần diện tích đất được cho là hộ ông M lấn chiếm trong thời gian trước đó; (3) tại Biên bản kiểm tra thực địa ngày 19/5/2015 đã xác định “Tổng diện tích thực tế của hộ gia đình là 172,5 m²”, không có nội dung nào xác định diện tích 15,5 m² đất là có tranh chấp.

Lẽ ra khi thụ lý lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định chính xác vị trí, diện tích hiện trạng thửa đất của hộ ông M; hàng cây là mốc giới thể hiện tại Biên bản giao đất cho Công an tỉnh Quảng Bình năm 1996; con đường vào Trại tạm giam và bức tường rào ông M xây dựng có mốc giới hay không để xác định phần diện tích 15,5 m² đất có khiếu kiện có thuộc trường hợp lấn, chiếm đất theo quy định của pháp luật về đất đai hay không, nếu có thì diện tích lấn chiếm chính xác là bao nhiêu. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện mà chỉ căn cứ vào các tài liệu trong quá trình giải quyết khiếu nại (có mâu thuẫn nêu trên) để làm căn cứ bác yêu cầu khởi kiện của ông M bà H về việc bồi thường 15,5 m² đất là chưa bảo đảm khách quan, chính xác, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông M và bà H về nội dung bồi thường, hỗ trợ 15,5 m² đất là có căn cứ, được Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông M, bà H đối với yêu cầu buộc UBND thành phố Đ và Tập đoàn S phải liên đới bồi thường thiệt hại do thi công, cưỡng chế làm sập đổ 29,4 m² nhà quán thì thấy:

Trong đơn khiếu nại của ông M, bà H có yêu cầu “Phải được bồi thường do nhà bị máy ủi, máy cày của đơn vị thi công làm sập, đổ 29,4 m²”, được Chủ tịch UBND thành phố Đ, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình xem xét, giải quyết trong quá trình giải quyết khiếu nại. Do đó, khi ông M bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định giải quyết khiếu nại về nội dung này thì Tòa án có trách nhiệm phải xem xét quyết định hành chính bị kiện đối với nội dung này có đúng hay không. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng yêu cầu này không phải do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra, không thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 7 Luật Tố tụng hành chính để không xem xét là thiếu chính xác. Tuy nhiên, sau khi xem xét nội dung giải quyết khiếu nại thì việc Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đã xác định trách nhiệm xử lý, bồi thường đối với nhà quán là của đơn vị thi công, không thuộc trách nhiệm của UBND thành phố Đ để không chấp nhận khiếu nại của ông M, bà H là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông M, bà H yêu cầu buộc UBND thành phố Đ phải liên đới bồi thường 29,4 m² nhà quán do thực hiện việc thi công, cưỡng

chế làm sập, đồ không được Hội đồng xét xử chấp nhận; ông M, bà H có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết việc bồi thường thiệt hại 29,4 m² nhà quán bị sập đổ do thi công theo kết luận tại các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.

[3] Đối với nội dung ông M, bà H yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố Đ bồi thường 4 năm do không giải quyết việc bồi thường, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống của gia đình và bồi thường về sức khỏe, tinh thần, danh dự, nhân phẩm... cho 3 người trong gia đình:

Tại Điều 7 của Luật Tổ tụng hành chính về giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính có quy định:

“1. Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri gây ra...”

2. Trường hợp trong vụ án hành chính có yêu cầu bồi thường thiệt hại mà chưa có điều kiện để chứng minh thì Tòa án có thể tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự...”

Xét thấy việc ông M, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường thiệt hại nêu trên khi chưa có căn cứ chứng minh các thiệt hại đó là do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra và cơ sở để chứng minh mức yêu cầu bồi thường. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết trong vụ án hành chính này; đồng thời hướng dẫn ông M bà H có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 7 của Luật Tổ tụng hành chính. Kháng cáo của ông M, bà H về các yêu cầu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 358 và khoản 1 Điều 359 của Luật Tổ tụng hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do ông Nguyễn Minh M đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phải trả lại số tiền này cho ông M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 38, Điều 39, Điều 42, Điều 43 của Luật Đất đai năm 2003; các Điều 75, 80 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 349, khoản 1 Điều 358 và khoản 1 Điều 359 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H; sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H:

1.1. Hủy một phần Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình “Về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H trú tại thôn 16, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình” đối với nội dung: “*Khiếu nại việc diện tích đất được bồi thường còn thiếu 15,5 m²*” tại Điều 1 và toàn bộ Điều 2 của Quyết định này.

1.2. Hủy một phần Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H thôn 16, xã L, thành phố Đ (lần đầu)” với nội dung giải quyết khiếu nại về việc: “*Quyết định số 3803/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ phê duyệt phương án bồi thường chỉ bồi thường 157/172,5 m² đất của gia đình, còn thiếu 15,5 m²*”. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H đối với phần diện tích 15,5 m² đất, thuộc thửa đất số 105(1-3), tờ bản đồ số 4, xã L, thành phố Đ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H đối với nội dung: “*Khiếu nại việc nhà bị máy ủi, máy cẩu của đơn vị thi công làm sập, đổ 29,4 m²*” tại Điều 1 Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải liên đới bồi thường 29,4 m² nhà quán do thực hiện việc thi công, cưỡng chế làm sập, đổ. Ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H có quyền khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc bồi thường thiệt hại 29,4 m² nhà quán bị sập đổ theo kết luận tại các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.

3. Các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ bồi thường 4 năm do không giải quyết việc bồi thường, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống của gia đình; bồi thường

về sức khỏe, tinh thần, danh dự, nhân phẩm... cho 3 người trong gia đình: Ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông M, bà H được miễn không phải nộp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4.2. Án phí Hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H không phải chịu. Trả lại cho ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005026 ngày 11/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Về chi phí tố tụng: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng. Do ông Nguyễn Minh M đã nộp tiền tạm ứng khoản tiền này nên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phải trả lại cho ông Nguyễn Minh M 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/7/2020.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền